

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2025/DS-ST

Ngày: 29-12-2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình
Ông Mai Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 396/2025/TLST-DS ngày 21/10/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2025/QĐXXST-DS ngày 28/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2025/QĐST-DS ngày 10/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Tiên P; địa chỉ: Tòa nhà Bank, số 57 phố Lý Thường K, phường Cửa N, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Việt C – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ khách hàng cá nhân Bank. Người được ủy quyền lại gồm các ông (bà): Hồ Thị Thanh N hoặc Trương Thị H hoặc Lê Văn Đ hoặc Nhan Ngọc L hoặc Trần Duy Q hoặc Nguyễn Thúy Th hoặc Nguyễn Hải D - Điều thuộc Đội xử lý nợ 3 - Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ khách hàng cá nhân Bank; cùng địa chỉ liên hệ: Số 460 Nguyễn Hữu T, phường Cẩm L, TP.Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số 05/2025/UQ-TP.HĐQT ngày 10/01/2025 của VPBank và Giấy ủy quyền số 3384 ngày 27/11/2025 thay thế Giấy ủy quyền số 427/2025/GUQ-TPB.CM ngày 23/6/2025 của Bank); có mặt bà Th và ông D.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 50 Trần Đình Long, phường Cẩm Lệ (phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ cũ), TP.Đà Nẵng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2025, Bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Tiên P ông (bà) Nguyễn Thúy Thanh và Nguyễn Hải Dương cùng thống nhất trình bày:

Ngày 26/6/2022 Ngân hàng TMCP Tiên P (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng hoặc Bank) với bà Huỳnh Thị B có ký hợp đồng mở thẻ, với hạn mức tín dụng là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn thẻ là 5 năm, lãi suất trong hạn là 33,6%/năm, lãi suất quá hạn là 150%/lãi suất trong hạn, phí thường niên 495.000đồng/năm, phí phạt chậm trả là 4,4%/lần vi phạm. Kỳ sao kê vào ngày 21 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà B đã rút tổng số tiền 155.326.319 đồng, nộp lại số tiền 157.162.256 đồng; trong đó trả gốc 125.593.418 đồng, lãi + phí 31.568.838 đồng. Còn nợ lại số tiền gốc 29.732.901 đồng, lãi trong hạn 2.490.721 đồng tính từ ngày 06/7/2024 đến ngày 05/10/2024, lãi quá hạn là 18.475.129 đồng tính từ ngày 06/10/2024 đến ngày 29/12/2025, phí phạt chậm trả 26.063.248 đồng, phí thường niên 02 năm (năm 2024 và năm 2025) là 990.000 đồng. Tổng tiền nợ là 77.751.999 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Tiên P xin rút yêu cầu trả tiền phí phạt chậm trả 26.063.248 đồng.

Ngân hàng chỉ còn yêu cầu bà B trả cho Ngân hàng TMCP Tiên P tổng số tiền 51.688.751 đồng; trong đó, số tiền gốc 29.732.901 đồng, lãi trong hạn 2.490.721 đồng tính từ ngày 06/7/2024 đến ngày 05/10/2024, lãi quá hạn là 18.475.129 đồng tính từ ngày 06/10/2024 đến ngày 29/12/2025, phí thường niên 02 năm (năm 2024 và năm 2025) là 990.000 đồng và đề nghị tiếp tục tính tiền lãi kể từ ngày 30/12/2025 cho đến khi tất toán xong khoản vay cho ngân hàng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị B trình bày trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay như sau:

Bà B xác định ngày 26/6/2022 bà có ký hợp đồng mở thẻ tại Ngân hàng TMCP Tiên P, theo đó bà B được cấp tín dụng với số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn 05 năm, lãi suất trong hạn là 33,6%/năm, lãi suất quá hạn là 150%/lãi suất trong hạn, phí thường niên 495.000đồng/năm, phí phạt chậm trả là 4,4%/lần vi phạm. Quá trình thực hiện hợp đồng bà xác định đã nhiều lần rút tiền và trả tiền, hiện còn nợ lại ngân hàng số tiền gốc là 29.732.901 đồng, tiền phí thường niên hai năm 2024 và năm 2025 là 990.000 đồng. Nay Ngân hàng TMCP Tiên P khởi kiện đòi bà B trả tổng số tiền 51.688.751 đồng, trong đó, số tiền gốc 29.732.901 đồng, lãi trong hạn 2.490.721 đồng tính từ ngày 06/7/2024 đến ngày 05/10/2024, lãi quá hạn là 18.475.129 đồng tính từ ngày 06/10/2024 đến ngày 29/12/2025, phí thường niên 02 năm (năm 2024 và năm 2025) là 990.000 đồng và đề nghị tiếp tục tính tiền lãi kể từ ngày 30/12/2025 cho đến khi tất toán xong khoản vay cho ngân hàng.

Quá trình hòa giải vụ án bà B đồng ý trả số tiền nợ gốc 29.732.901 đồng và tiền phí thường niên hai năm 2024 và năm 2025 là 990.000 đồng cho ngân hàng, đối với tiền lãi không đồng ý trả.

Tại phiên tòa hôm nay, bà B đồng ý trả cho ngân hàng tổng số tiền

39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng), trong đó tiền nợ gốc 29.732.901 đồng, phí thường niên 02 năm (năm 2024 và năm 2025) là 990.000 đồng, còn lại là tiền lãi (8.277.099 đồng) như các bên thỏa thuận trước khi xét xử vụ án ngày hôm nay, bà B xin trả số tiền trên trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày 29/12/2025. Đối với số tiền vượt quá 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng) bà B không đồng ý trả cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”. Bị đơn bà Huỳnh Thị B có nơi cư trú tại: Số 50 Trần Đình Long, phường Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngân hàng TMCP Tiên P khởi kiện bà Huỳnh Thị B, yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Tiên P tổng số tiền nợ tạm tính đến tạm tính đến ngày 29/12/2025 là 51.688.751đ (năm mươi một triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn, bảy trăm năm mươi một đồng); trong đó, số tiền gốc 29.732.901 đồng, lãi trong hạn 2.490.721 đồng tính từ ngày 06/7/2024 đến ngày 05/10/2024, lãi quá hạn là 18.475.129 đồng tính từ ngày 06/10/2024 đến ngày 29/12/2025, phí thường niên 02 năm (năm 2024 và năm 2025) là 990.000 đồng và đề nghị tiếp tục tính tiền lãi kể từ ngày 30/12/2025 cho đến khi tất toán xong khoản vay cho ngân hàng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Tiên P thì thấy:

[2.1] Xét về số tiền nợ gốc 29.732.901 đồng thì thấy:

Ngày 26/6/2022 Ngân hàng TMCP Tiên P với bà Huỳnh Thị B có ký Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Bank kiêm hợp đồng sử dụng thẻ (sau đây gọi tắt là: Hợp đồng), với hạn mức 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn thẻ là 5 (năm) năm, lãi suất trong hạn là 33,6%/năm, lãi suất quá hạn là 150%/lãi suất trong hạn, phí thường niên 495.000đồng/năm, phí phạt chậm trả là 4,4%/lần vi phạm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà B đã rút tổng số tiền 155.326.319 đồng, nộp lại số tiền 157.162.256 đồng; trong đó trả gốc 125.593.418 đồng, lãi + phí 31.568.838 đồng, kỳ giao dịch rút tiền cuối cùng là ngày 21/4/2024. Từ ngày 21/5/2024 bà B không thanh toán nợ gốc cho ngân hàng, ngày 06/7/2024 bà B vi phạm toàn bộ nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng nên ngày 06/10/2024 ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà B (sau 90 ngày).

Như vậy, tính đến ngày 06/7/2024 bà B còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 29.732.901 đồng (155.326.319 đồng - 125.593.418 đồng = 29.732.901 đồng), bà

B thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP Tiên P số tiền nợ gốc 29.732.901 đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP Tiên P khởi kiện bà B đối với số tiền gốc 29.732.901 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét về số tiền lãi 20.965.850 đồng; trong đó, lãi trong hạn 2.490.721 đồng, lãi quá hạn 18.475.129 đồng thì thấy:

[2.2.1] Xét tiền lãi suất trong hạn 2.490.721 đồng tính từ ngày 06/7/2024 đến ngày 05/10/2024 thì thấy:

Ngày 06/7/2024 bà B vi phạm toàn bộ khoản vay nên bà B phải chịu tiền lãi trong hạn, theo thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP Tiên P với bà B thì lãi suất trong hạn là 33,6%/năm, ngân hàng yêu cầu bà B tính lãi trong hạn từ ngày 06/7/2024 đến ngày xét xử 05/10/2024 là 91 ngày trên số tiền nợ gốc. Như vậy, số tiền nợ gốc 29.732.901 đồng $\times$ 33,6% $\times$ 91 ngày/365 ngày = 2.490.721 đồng. Do đó, ngân hàng đề nghị bà B trả số tiền lãi trong hạn 2.490.721 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.2] Xét tiền lãi suất quá hạn 18.475.129 đồng tính từ ngày 06/10/2024 đến ngày 29/12/2025 thì thấy:

Các bên thỏa thuận lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (tương đương 50,4%/năm). Từ ngày 06/10/2024 Bank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và đóng thẻ của bà B, đồng thời ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu sang nợ quá hạn, tính đến ngày 06/10/2024 đến ngày 29/12/2025 là 450 ngày. Như vậy, tiền lãi quá hạn của bà B phải chịu là 18.475.129 đồng (29.732.901 đồng $\times$ 50,4% $\times$ 450 ngày/365 ngày = 18.475.128,621 đồng làm tròn là 18.475.129 đồng). Do đó, ngân hàng đề nghị bà B trả số tiền lãi quá hạn 18.475.129 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn bà B phải trả cho ngân hàng là 20.965.850 đồng.

[2.3] Đối với phí thường niên: Ngân hàng TMCP Tiên P yêu cầu bà B trả số tiền phí thường niên 02 năm (năm 2024 và năm 2025) là 990.000 đồng.

Xét thấy, theo thỏa thuận trong hợp đồng, mỗi năm sử dụng thẻ bà B phải trả số tiền phí thường niên là 495.000 đồng, hai năm 2024 và năm 2025 bà B chưa trả tiền phí thường niên, bà B đồng ý trả số tiền phí thường niên còn nợ hai năm trên cho ngân hàng nên yêu cầu ngân hàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Tiên P đối với bà B được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể: Tổng tiền bà B phải thanh toán cho ngân hàng là 51.688.751 đồng; trong đó, số tiền gốc 29.732.901 đồng, lãi trong hạn 2.490.721 đồng tính từ ngày 06/7/2024 đến ngày 05/10/2024, lãi quá hạn là 18.475.129 đồng tính từ ngày 06/10/2024 đến ngày 29/12/2025, phí thường niên 02 năm là 990.000 đồng. Do đó, việc bị đơn bà Huỳnh Thị B xin trả số tiền lãi 8.277.099 đồng cho ngân hàng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/12/2025), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc

29.732.901 đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và Bản chấp thuận kèm Biểu lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

[2.4] Đối với số tiền phí chậm trả: Trong đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP Tiên P yêu cầu bà B trả số tiền 26.063.248 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa ngân hàng xin rút yêu cầu này. Đây là sự tự nguyện của ngân hàng không trái đạo đức xã hội và pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

[2.5] Đối với việc nguyên đơn Ngân hàng TMCP Tiên P điều chỉnh số tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tại phiên tòa hôm nay thấp hơn so với trong đơn khởi kiện là sự tự nguyện của ngân hàng, nằm trong phạm vi khởi kiện nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc điều chỉnh tiền lãi trong hạn và quá hạn của ngân hàng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Huỳnh Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.584.437đ (hai triệu, năm trăm tám mươi bốn ngàn, bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Tiên P số tiền tạm ứng án phí 1.924.130 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0004094 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 15 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, Điều 103, Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, sửa đổi bổ sung năm 2025. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Tiên P đối với bị đơn bà Huỳnh Thị B về việc “*Tranh chấp hợp đồng thế tín dụng*”.

1.2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Tiên P đối với bị đơn bà Huỳnh Thị B về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền phí chậm trả là 26.063.248 đồng.

2. Tuyên xử:

2.1. Buộc bà Huỳnh Thị B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Tiên P tổng số tiền nợ tính đến ngày 29/12/2025 là 51.688.751đ (năm mươi một triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn, bảy trăm năm mươi một đồng);

trong đó, số tiền gốc 29.732.901 đồng, lãi trong hạn 2.490.721 đồng, lãi quá hạn là 18.475.129 đồng, phí thường niên 02 năm (năm 2024 và năm 2025) là 990.000 đồng.

2.2 Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 30/12/2025 bà Huỳnh Thị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 29.732.901 đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị mở thẻ kiêm hợp đồng và Bản chấp thuận kèm Biểu lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Huỳnh Thị B phải chịu 2.584.437đ (hai triệu, năm trăm tám mươi bốn ngàn, bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Tiên P số tiền tạm ứng án phí 1.924.130 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0004094 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, ngày 29/12/2025.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Dương sự;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh